

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mai Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Mai Thị Thu Lan;

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Ông Thi Văn N, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp PH, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

\* *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp PH, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Ông N, bà H có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Thi Văn N trình bày:*

Ông và bà H qua một thời gian tìm H thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1977 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Hiện ông và bà H không còn chung sống với nhau. Do không còn tình cảm nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về tài sản, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Ông và bà H có 04 con chung: Anh Thi Văn T, sinh năm 1979 (Chết khi 32 tuổi); anh Thi Văn T1, sinh năm 1982; anh Thi Văn T2, sinh năm 1985 và anh Thi Văn U, sinh năm 1989. Các con đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Bà xác nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như ông N trình bày là đúng. Bà và ông N chung sống như vợ với nhau từ năm 1977 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó ông N có tình cảm với người khác nhưng vì các con bà cũng bỏ qua để vợ chồng chung sống lại với nhau. Do bà lo cho các con và không bàn bạc công việc trong gia đình cùng ông nên gia đình không êm ấm. Mâu thuẫn giữa bà và ông N không có lối ra, bà sẽ khắc phục, bà không đồng ý ly hôn vì bà và ông N đã lớn tuổi, muốn giữ mối quan hệ hôn nhân để con cháu được vui vẻ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các con đã thành niên nên bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu.*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Thi Văn N đối với bà Phạm Thị H.

- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Thi Văn N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Ông Thi Văn N yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị H. Bà H đang cư trú tại Ấp PH, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Ông Thi Văn N và bà Phạm Thị H chung sống vợ chồng từ năm 1977, không có đăng ký kết hôn nhưng chung sống trước ngày 03-01-1986 (Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực pháp luật) được xem là hôn thực tế nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Ông N, bà H chung sống cũng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông N cho rằng bà H lo cho con cái quá nhiều, làm việc gì không trao đổi ý kiến và thiếu sự quan tâm chăm sóc cho ông dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn cãi vã nhau. Bà H cho rằng ông N đi đâu làm gì cũng không nói bà nhưng bà cũng không nói gì, bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn. Tại phiên toà, bà H cũng hứa sẽ thay đổi, quan tâm tới gia đình hơn, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa ông N và bà H không trầm trọng, cần cho bà H cơ hội hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Mặc khác, qua xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng ông N, bà H không có điều tiếng, xích mích với nhau, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông N là phù hợp.

[3] Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông N. Ông N, bà H cũng không yêu cầu giải quyết các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông N là nguyên đơn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 52, 54 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Thi Văn N đối với bà Phạm Thị H.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Ông Thi Văn N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông N đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012496 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông N đã nộp xong.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND H. Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H. Dương Minh Châu;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã P;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phan Thị Mai Dung**